



Số PKQ: 01051/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NM1
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)** Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Loại mẫu : Nước mặt
Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : 01 vị trí trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía thượng lưu so với điểm xả thải;

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột B1	Cột B2
1	Clo dư ^(c)	mg /L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	-	-
2	Dầu mỡ khoáng ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	-	-
3	Dầu mỡ ĐTV ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	-	-

Ghi chú:

- (c)- Thông số tham khảo;
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng; *phần*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 01052/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NM2
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Loại mẫu : Nước mặt
Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : 01 vị trí trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía hạ lưu so với
điểm xả thải

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột B1	Cột B
1	Clo dư ^(c)	mg /L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	-	-
2	Dầu mỡ khoáng ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	-	-
3	Dầu mỡ ĐTV ^(c)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	-	-

Ghi chú:

- (c)- Thông số tham khảo;
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 01051/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NM1
---	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)**

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Loại mẫu : Nước mặt
Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : 01 vị trí trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía thượng lưu so với điểm xả thải;

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột B1	Cột B2
1.	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7	15	25
2.	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	27,9	-	-
3.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220B:2017	19	30	50
4.	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017	7	-	-
5.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,54	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	20	50	100
7.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	QTN.01/LAET	10.187	-	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (LOD=0,020)	0,9	0,9
9.	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	1,41	-	-
10.	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,525	-	-
11.	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0016	0,05	0,1
12.	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0011	0,01	0,01
13.	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,05	0,05
14.	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)	-	-
15.	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,0345	0,5	1
16.	Thủy ngân (Hg) ^(d)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,0003)	0,001	0,002





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột B1	Cột B2
17.	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,562	1,5	2
18.	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (LOD=0,02)	0,4	0,5
19.	Coliform ^(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	1.100	7.500	10000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 292);
3. QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
6. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên





Số PKQ: 01052/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NM2
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)**

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Loại mẫu : Nước mặt
Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : 01 vị trí trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía hạ lưu so với
điểm xả thải

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột B1	Cột B
1.	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7	15	25
2.	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	28	-	-
3.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220B:2017	17	30	50
4.	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017	KPH (LOD=5)	-	-
5.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,55	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	21	50	100
7.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	QTN.01/LAET	10.550	-	-
8.	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	KPH (LOD=0,020)	0,9	0,9
9.	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	2,25	-	-
10.	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,79	-	-
11.	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
12.	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0002)	0,01	0,01
13.	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,05	0,05
14.	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)	-	-
15.	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,0229	0,5	1
16.	Thủy ngân (Hg) ^(d)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,0003)	0,001	0,002





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	
					Cột B1	Cột B
17.	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,436	1,5	2
18.	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (LOD=0,02)	0,4	0,5
19.	Coliform ^(b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	1.300	7.500	10000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 292);
3. QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
6. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01046/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.KK1-3
-------------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)** Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền,
Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : **23.0359.KK1:** Tại khu vực ống khói Z04201
23.0359.KK2: Tại khu vực ống khói Z29101
23.0359.KK3: Tại khu vực ống khói Z07601

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả			Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				23.0359.KK1	23.0359.KK2	23.0359.KK3	
1	Rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	57	56,2	56,7	≤ 70 ⁽¹⁾
2	Ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	65,2	66,4	66,7	≤ 70 ⁽²⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (1) QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
- (2) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

SỐ PKQ: 01048/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.KK4
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền,
Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : Tại khu vực ống khói sau tháp rửa khí

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
1	Rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	56,8	≤ 70 ⁽¹⁾
2	Ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	68,3	≤ 70 ⁽²⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (1) QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
- (2) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01047/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.KK5-9
-------------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)** Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền,
Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : **23.0359.KK5:** Tại phân xưởng sản xuất urea.
23.0359.KK6: Tại phân xưởng sản xuất amonia.
23.0359.KK7: Tại cảng xuất sản phẩm.
23.0359.KK8: Tại phân xưởng đóng gói.
23.0359.KK9: Tại cảng nhập nguyên liệu 500.000 tấn

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả					Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				23.0359.KK5	23.0359.KK6	23.0359.KK7	23.0359.KK8	23.0359.KK9	
1	Rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	52,6	54,8	50,8	55,2	48,1	≤ 70 ⁽¹⁾
2	Ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 TCVN 7878-2:2018	65,6	68,1	66,3	67,1	59,1	≤ 70 ⁽²⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (1) QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
- (2) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01043/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.KT1
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
(PVCFC)**

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Loại mẫu : Khí thải
Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : Tại ống khói Z04201

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	10	160
2	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	KPH (LOD=1)	40
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	25,3	400
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	70,8	680
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	800

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phải

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

Phải

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01049/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.KT7
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
(PVCFC)

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền,
Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : Tại ống khói sau tháp rửa khí

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	58,3	160
2	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	5,4	40
3	Tổng florua ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	0,58	20 ^(*)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (*)- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01050/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.KT8
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)** Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : Tại phân xưởng phân bón phức hợp

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
1	Rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	68,3	≤ 70 ⁽¹⁾
2	Ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	55,1	≤ 70 ⁽²⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (1) QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
- (2) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

Giám đốc


KS. Phan Thị Hoài Trinh


TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01044/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.KT9
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền,
Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : Tại ống khói Z29101

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	40,4	160
2	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	KPH (LOD=1)	40
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	5,2	400
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	80,8	680
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	800

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh



Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 01045/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.KT10
-------------------------------	---	------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)** Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Loại mẫu : Khí thải
Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : Tại ống khói Z07601

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	30	160
2	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	12	40
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	400
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	80,2	680
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	800

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01038/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NT1
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : Vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)		Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
					Cột A	Cột B	
1	Lưu lượng nước thải ^(d)	m ³ /h	HDCV/DN-H23	2,6	-	-	10
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,33			5,5 ÷ 9
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	19			40,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	20			81
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	QTN.01/LAET	240	600	1200	-
6	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)			12
7	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)			0,4
8	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017	1,71			8,1
9	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,17			32,4
10	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,23			3,24
11	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (LOD=0,02)	6	12	-
12	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.400			3.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 292);
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (K=1,2);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01039/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NT2
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)**

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Loại mẫu : Nước thải
Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Vị trí lấy mẫu : Vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
1	Lưu lượng nước thải ^(a)	m ³ /h	HDCV/DN-H23	6,9	-
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	12	150
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,26	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	40,5
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	55	121,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	28	81
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0025	0,04
8	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,00024	0,081
9	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,008
10	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,081
11	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	1,62
12	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,087	4,05
13	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	8,1
14	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)	0,4
15	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	KPH (LOD=0,50)	8,1
16	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,73	32,4





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
17	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,875	3,24
18	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	0,81
19	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.300	3.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 292);
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

phul

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

Phan Thị Hoài Trinh

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiến





Số PKQ: 01040/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NT3
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)** Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : Vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhiễm Amo.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
1	Lưu lượng nước thải ^(d)	m ³ /h	HDCV/DN-H23	4,1	-
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	KPH (LOD=5)	150
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,73	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	40,5
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	46	121,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	30	81
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,04
8	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,00069	0,081
9	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,008
10	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,081
11	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	1,62
12	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,590	4,05
13	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,2	8,1
14	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)	0,4
15	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	1,45	8,1
16	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,86	32,4





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
17	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,08	3,24
18	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	0,81
19	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.700	3.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 292);
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng; *phần*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





Số PKQ: 01041/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NT4
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)** Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : Vị trí đầu ra chung của 03 hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu, nhiễm NH₃, sinh hoạt;

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)		Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
					Cột A	Cột B	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	28,5	-	-	40
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	14	-	-	150
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,51	-	-	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	-	-	40,5
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	31	-	-	121,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	29	-	-	81
7	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	QTN.01/LAET	185	600	1.200	-
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0129	-	-	0,04
9	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0002)	-	-	0,081
10	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,001)	-	-	0,008
11	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	-	-	0,081
12	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	-	-	1,62
13	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,80	-	-	12
14	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,294	-	-	4,05
15	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,7	-	-	8,1





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)		Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
					Cột A	Cột B	
16	Sunfua (S^{2-}) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)	-	-	0,4
17	Amoni (NH_4^+) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	1,14	-	-	8,1
18	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,6	-	-	32,4
19	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,45	-	-	3,24
20	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	-	-	0,81
21	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,30	6	12	-
22	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.400	-	3.000	3.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (K=1,2)
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 01042/2023/ PKQ	KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	Kí hiệu mẫu: 23.0359.NT5
-------------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)**

Ngày lấy mẫu : 20/03/2023

Địa chỉ : Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền,
Phường 1, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : Vị trí trên kênh thoát nước chung trước khi xả thải ra sông
Ông Đốc.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)		Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
					Cột A	Cột B	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	28,1	-	-	40
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	15	-	-	150
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,021	-	-	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16	-	-	40,5
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	28	-	-	121,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	17	-	-	81
7	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	QTN.01/LAET	230	600	1.200	-
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	-	-	0,04
9	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0002)	-	-	0,081
10	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,001)	-	-	0,008
11	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	-	-	0,081
12	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	-	-	1,62
13	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1	-	-	12
14	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,109	-	-	4,05



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)		Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT- BTNMT
					Cột A	Cột B	
15	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,3	-	-	8,1
16	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)	-	-	0,4
17	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017	0,48	-	-	8,1
18	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	5,88	-	-	32,4
19	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,64	-	-	3,24
20	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	-	-	0,81
21	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,25	6	12	-
22	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.700	-	3.000	3.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (K=1,2)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên